

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v tranh chấp “Xin ly hôn có yếu tố
nước ngoài”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đoàn Văn Tâm;

- Ông Nguyễn Quốc Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp xin ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh TENG CHUN Y, sinh năm 1955 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường TS 1, SC, LT, ĐT, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 21/5/2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Đầu năm 2012 chị và anh TENG CHUN Y quen biết nhau là do mai mối của người thân. Trong quá trình tìm hiểu anh chị có tình cảm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/6/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Việt Nam. Anh TENG CHUN Y thường xuyên qua lại giữa Việt Nam và Đài Loan. Trong thời gian chung sống anh TENG CHUN Y có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến năm 2017 Cơ quan chức năng của Việt Nam thông

báo hồ sơ chị không được thụ lý nên chị không được xuất cảnh qua Đài Loan. Từ đó vợ chồng anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị không còn tình cảm với anh TENG CHUN Y nên chị yêu cầu được ly hôn với anh TENG CHUN Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản ý kiến anh TENG CHUN Y trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, quá trình anh chị quen biết, về quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là đúng. Nay anh không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh TENG CHUN Y xin giải quyết vắng mặt, vì lý do công việc nên sẽ không tham gia trình tự thủ tục xét xử ly hôn được. Mọi phán quyết của Tòa án anh đều chấp nhận và không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Nguyễn Thị Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh TENG CHUN Y.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn anh TENG CHUN Y có yêu cầu xin được giải quyết vắng mặt với lý do công việc nên sẽ không tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị T đồng ý xét xử vắng mặt anh TENG CHUN Y nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt anh TENG CHUN Y.

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự cư trú ở nước ngoài, căn cứ theo Điều 28, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp xin ly hôn có yếu tố nước ngoài giữa chị Nguyễn Thị Hồng T với anh TENG CHUN Y.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh TENG CHUN Y đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

28/6/2013. Do vậy, căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị T và anh TENG CHUN Y quen biết nhau do người thân mai mối, anh chị tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Việt nam. Anh TENG CHUN Y thường xuyên về Việt Nam thăm chị và làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến năm 2017 Cơ quan chức năng của Việt Nam thông báo hồ sơ của chị không đạt nên chị không được xuất cảnh qua Đài Loan, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do mỗi người sống một nơi, anh chị không điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ đó tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh TENG CHUN Y không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh TENG CHUN Y xác định trong quá trình chung sống, anh chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 28, khoản 1 điều 37, điểm d khoản 1 điều 469, khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 8, Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh TENG CHUN Y.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh TENG CHUN Y xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh TENG CHUN Y xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo

lai thu số 0007015 ngày 16/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ tiền án phí nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh TENG CHUN Y có quyền kháng cáo bản án này bản án này trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- CTHA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn